



Bài giảng

Kê toán máy

(Computerized Accounting)

Biên soạn: Lê Ngọc Mỹ Hằng



CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN MÁY

❖ MỤC TIÊU

- ❖ Cung cấp kiến thức nhằm giúp sinh viên hiểu biết toàn diện về một hệ thống thông tin kế toán dựa trên máy tính
- ❖ Nhận diện rõ vai trò của phần mềm kế toán trong hệ thống thông tin kế toán
- ❖ Bước đầu hiểu được cấu trúc của một chương trình kế toán máy nhằm xác định rõ công việc của kế toán viên khi làm việc với phần mềm kế toán
- ❖ Nhận diện các dạng file cơ bản trong chương trình kế toán máy nhằm phục vụ tốt cho quá trình làm việc (lưu, bảo vệ, hiệu chỉnh dữ liệu,)
- ❖ Nắm vững các nguyên tắc tổ chức thông tin trên máy nhằm tránh sai sót khi tiến hành công tác kế toán máy

❖ SỐ TIẾT: 5



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ❖ TS. Trần Thị Song Minh, 2005, Chương I: Hệ thống thông tin kế toán với tổ chức doanh nghiệp, Chương II: Công nghệ thông tin với kế toán doanh nghiệp trong Giáo trình kế toán máy, Trang 7-13, Trang 58-70, NXB Lao động-Xã hội



Kế toán máy

- ❖ Kế toán máy là quá trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống thông tin kế toán, nhằm thực hiện công tác hạch toán trong doanh nghiệp.
- ➔ Thông tin kế toán chính là dữ liệu kế toán đã gia tăng giá trị bằng các công cụ máy tính.



Dữ liệu kế toán và thông tin kế toán

Khái niệm Tiêu thức	Dữ liệu kế toán	Thông tin kế toán
Tính chất	chưa xử lý	đã qua quá trình xử lý
Trạng thái	cụ thể	Trừu tượng
Tổ chức lưu trữ	Sổ nhật ký	Sổ cái, các báo cáo kế toán
Mức độ quan tâm	Tức thời	Lâu dài, liên tục



Hệ thống thông tin kế toán (AIS)

- ❖ Hệ thống thông tin kế toán (Accounting Information System):
 - ❖ Là tập hợp các nguồn lực (con người, thiết bị máy móc)
 - ❖ Biến đổi dữ liệu tài chính và các dữ liệu khác thành thông tin kế toán
 - ❖ (Hệ thống thông tin kế toán được đề cập ở đây là HTTTKT dựa trên máy tính - Computer based AIS).

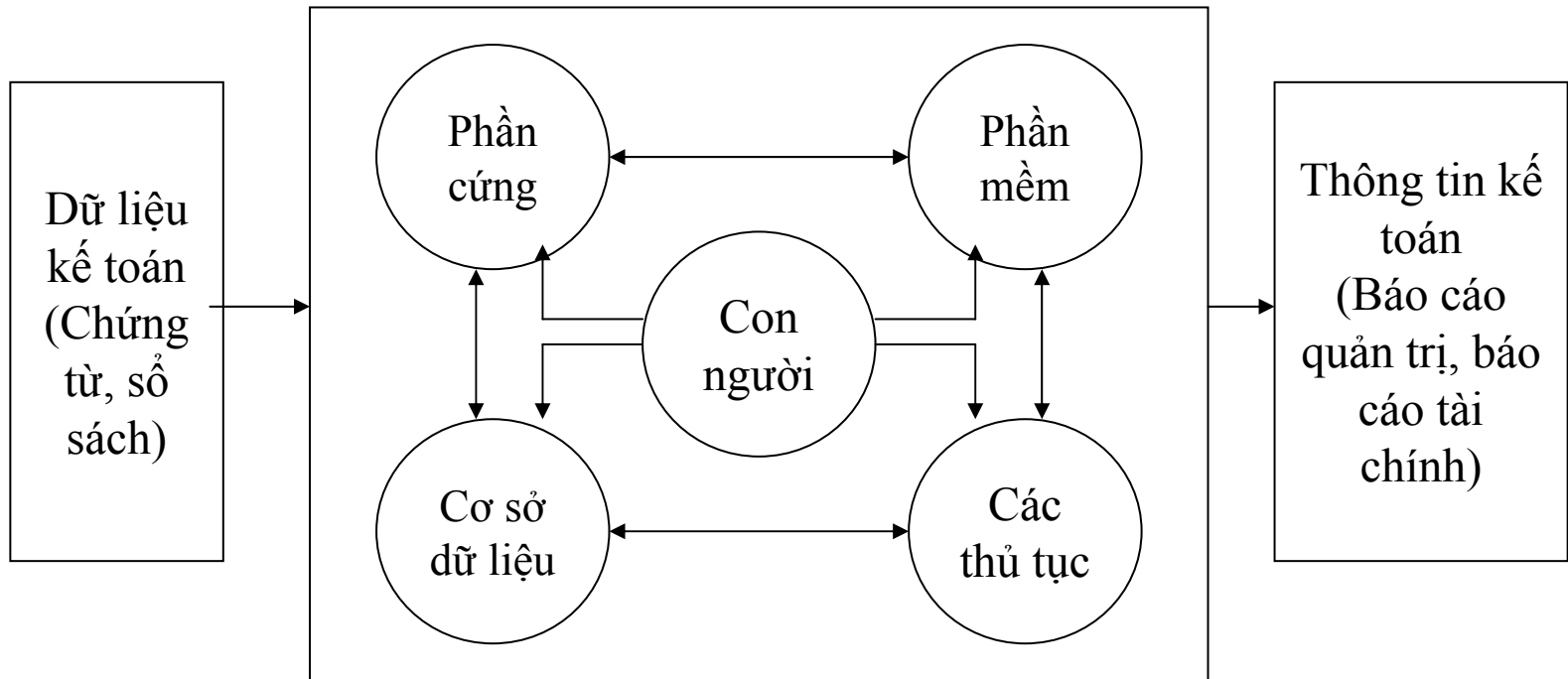


Hệ thống thông tin kế toán (AIS)

❖ Chức năng

- ❖ Ghi nhận, xử lý, lưu trữ và truyền đạt thông tin kinh tế tài chính trong đơn vị kế toán.
- ❖ Nói cách khác, ghi chép, theo dõi mọi biến động về tài sản, nguồn vốn và quá trình hoạt động của đơn vị kế toán.

MÔ HÌNH HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TỰ ĐỘNG HOÁ





Thành phần

❖ Phần cứng:

- ❖ Máy tính
- ❖ Các thiết bị ngoại vi
- ❖ Các thiết bị mạng phục vụ nhu cầu giao tiếp với con người hay với các máy tính khác

❖ Phần mềm:

- ❖ Hệ điều hành
- ❖ Phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu
- ❖ Phần mềm kế toán



Thành phần

❖ Các thủ tục:

- ❖ Tổ chức và quản trị các hoạt động xử lý thông tin (thiết kế và triển khai chương trình, duy trì phần cứng và phần mềm, quản lý chức năng các nghiệp vụ).

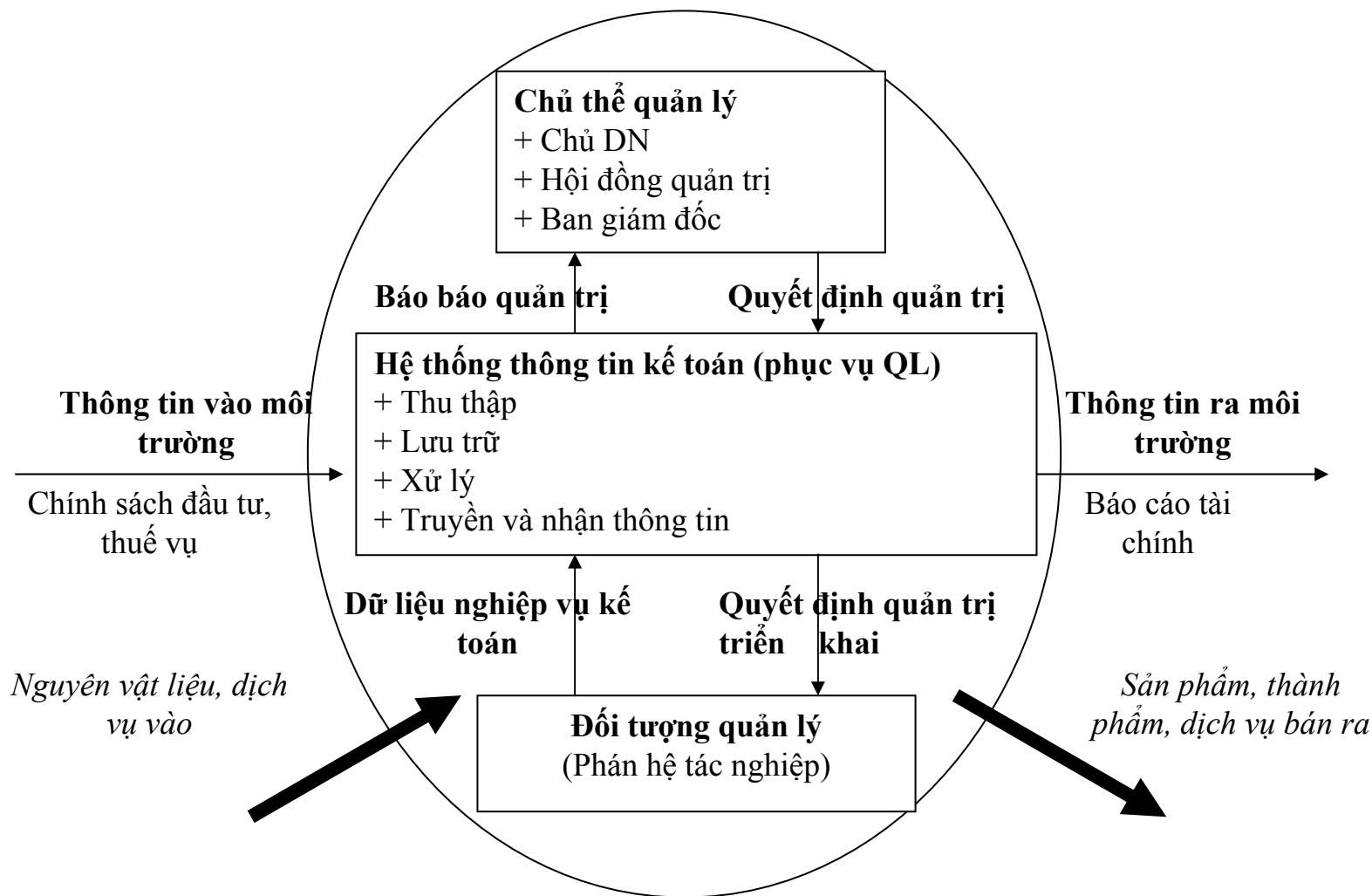
❖ Cơ sở dữ liệu kế toán:

- ❖ File danh mục tự điền
- ❖ File nghiệp vụ

❖ Con người:

- ❖ Các nhân viên xử lý thông tin
- ❖ Các nhân viên nghiệp vụ
- ❖ Các nhà quản trị doanh nghiệp.

Vai trò của Hệ thống thông tin kế toán





Vai trò của AIS

- ❖ AIS cung cấp nhiều thông tin đầu vào cho các hệ thống thông tin chuyên chức năng:
 - ❖ Báo cáo bán hàng (hệ thống thông tin thị trường)
 - ❖ Báo cáo vật tư - tồn kho và thông tin về chi phí (hệ thống thông tin sản xuất)
 - ❖ Báo cáo về lương và thuế thu nhập (hệ thống thông tin nhân lực)
 - ❖ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và theo dõi công nợ (hệ thống thông tin tài chính)....
- ❖ Các thông tin còn lại khác sẽ được thu thập thêm từ môi trường bên ngoài của doanh nghiệp
- ❖ AIS cùng với các hệ thống thông tin chuyên chức năng khác tạo nên hệ thống thông tin hoàn chỉnh phục vụ quản trị doanh nghiệp.



Các giai đoạn xử lý nghiệp vụ của hệ thống thông tin kế toán (AIS)

- ❖ Giai đoạn nhập liệu: chuyển dữ liệu trên chứng từ vào máy tính
 - ❖ Dùng bàn phím
 - ❖ Bán thủ công
 - ❖ Tự động
- ❖ Giai đoạn xử lý:
 - ❖ Sử dụng số kế toán hệ thống hoá theo thời gian và theo đối tượng
 - ❖ Phần mềm kế toán thể hiện ưu điểm lớn nhất trong xử lý dữ liệu:
 - ± Sắp xếp dữ liệu (phục vụ tìm kiếm)
 - ± Tính toán
 - ± Tổng hợp số liệu theo nhóm



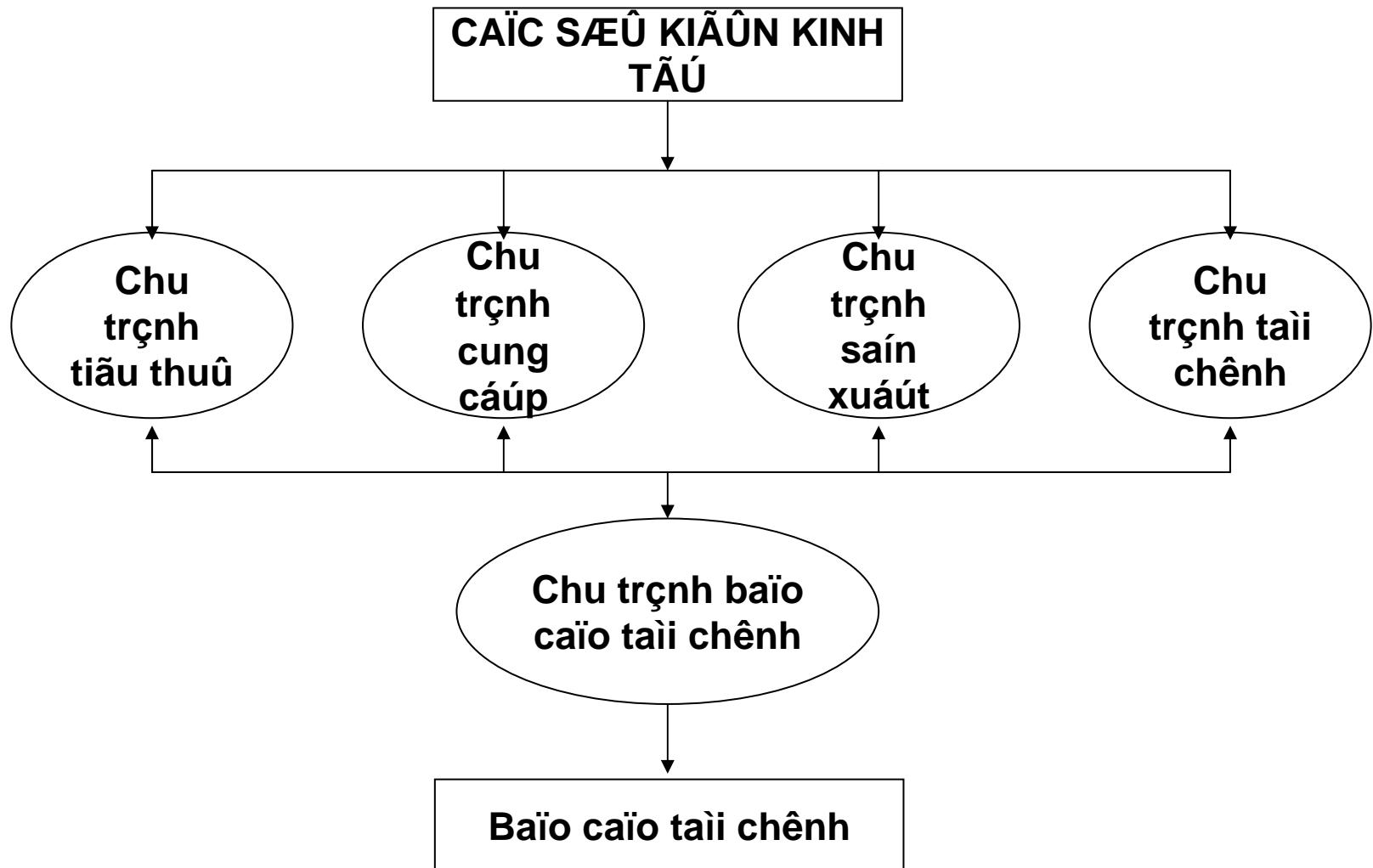
Các giai đoạn xử lý nghiệp vụ của hệ thống thông tin kế toán (AIS)

- ❖ Giai đoạn lưu trữ: Tập dữ liệu là một bộ lưu trữ có tổ chức các dữ liệu
 - ❖ Tập danh mục tự diễn
 - ❖ Tập giao dịch
- ❖ Giai đoạn phân phối và truyền đạt thông tin, AIS có thể cung cấp thông tin bằng nhiều cách:
 - ❖ Đưa ra màn hình
 - ❖ In các báo cáo
 - ❖ Gửi các tệp qua mạng

So sánh kế toán thủ công với kế toán máy

Hình thức xử lý Các giai đoạn xử lý nghiệp vụ	Kế toán thủ công	Kế toán máy
Nhập dữ liệu đầu vào - Tài liệu gốc (hoá đơn bán hàng, phiếu thu, chi)	Ghi chép thủ công	Nhập từ bàn phím, máy quét, tự động hoá
Xử lý dữ liệu - Biến đổi dữ liệu trên các sổ nhật ký thành thông tin trên các sổ cái	Thủ công	Tự động theo chương trình
Lưu trữ - Dữ liệu - Thông tin	Thủ công trên các sổ: - Sổ nhật ký - Sổ cái	Tự động ở dạng các tệp: - Tệp nhật ký - Tệp sổ cái - Tệp tra cứu
Kết xuất thông tin - Báo cáo tài chính - Báo cáo quản trị	Thủ công	Tự động theo chương trình

MÔ HÌNH CHU TRÌNH NGHIỆP VỤ





Chu trình tiêu thụ

- ❖ **Chức năng:** Chu trình tiêu thụ ghi chép những sự kiện phát sinh liên quan đến việc tạo doanh thu.
- ❖ **Các sự kiện kinh tế**
 - ❖ Nhận đơn đặt hàng của khách hàng
 - ❖ Giao hàng hoá và dịch vụ cho khách hàng
 - ❖ Yêu cầu khách hàng thanh toán tiền hàng
 - ❖ Nhận tiền thanh toán
- ❖ **Các phân hệ nghiệp vụ**
 - ❖ Hệ thống ghi nhận đơn đặt hàng
 - ❖ Hệ thống giao hàng hoá và dịch vụ
 - ❖ Hệ thống lập hoá đơn bán hàng
 - ❖ Hệ thống thu quỹ



Chu trình cung cấp

- ❖ **Chức năng:** Chu trình cung cấp ghi chép những nghiệp vụ phát sinh liên quan đến mua hàng, dịch vụ.
- ❖ **Các sự kiện kinh tế**
 - ❖ Yêu cầu đặt hàng hay dịch vụ cần thiết
 - ❖ Nhận hàng hoá, dịch vụ
 - ❖ Xác định nghĩa vụ thanh toán với nhà cung cấp
 - ❖ Tiến hành thanh toán theo hoá đơn
- ❖ **Các phân hệ nghiệp vụ**
 - ❖ Hệ thống mua hàng
 - ❖ Hệ thống nhận hàng
 - ❖ Hệ thống thanh toán theo hoá đơn
 - ❖ Hệ thống chi tiền



Chu trình sản xuất

❖ Chức năng

- ❖ Chu trình sản xuất ghi chép và xử lý các nghiệp vụ kế toán liên quan đến một sự kiện kinh tế - sự tiêu thụ lao động, vật liệu và chi phí sản xuất chung để tạo ra thành phẩm hoặc dịch vụ.

❖ Các sự kiện kinh tế

- ❖ Mua hàng
- ❖ Bán hàng
- ❖ Chuyển đổi nguyên vật liệu, lao động và chi phí sản xuất khác trong quá trình sản xuất
- ❖ Chuyển đổi chi phí tạo thành phẩm
- ❖ Thanh toán lương

❖ Các phân hệ nghiệp vụ

- ❖ Hệ thống tiền lương
- ❖ Hệ thống hàng tồn kho
- ❖ Hệ thống chi phí
- ❖ Hệ thống tài sản cố định



Chu trình tài chính

❖ Chức năng

- ❖ Chu trình tài chính ghi chép kế toán các sự kiện liên quan đến việc huy động và quản lý các nguồn vốn quỹ.

❖ Các sự kiện kinh tế

- ❖ Hoạt động tăng vốn từ chủ doanh nghiệp đầu tư và từ đi vay.
- ❖ Sử dụng vốn để hình thành các tài sản

❖ Các phân hệ nghiệp vụ

- ❖ Hệ thống thu quỹ
- ❖ Hệ thống chi quỹ



Chu trình báo cáo tài chính

❖ Chức năng

- ❖ Chu trình báo cáo tài chính thực hiện báo cáo về các nguồn tài chính và các kết quả đạt được từ việc sử dụng các nguồn tài chính này.

❖ Các phân hệ nghiệp vụ

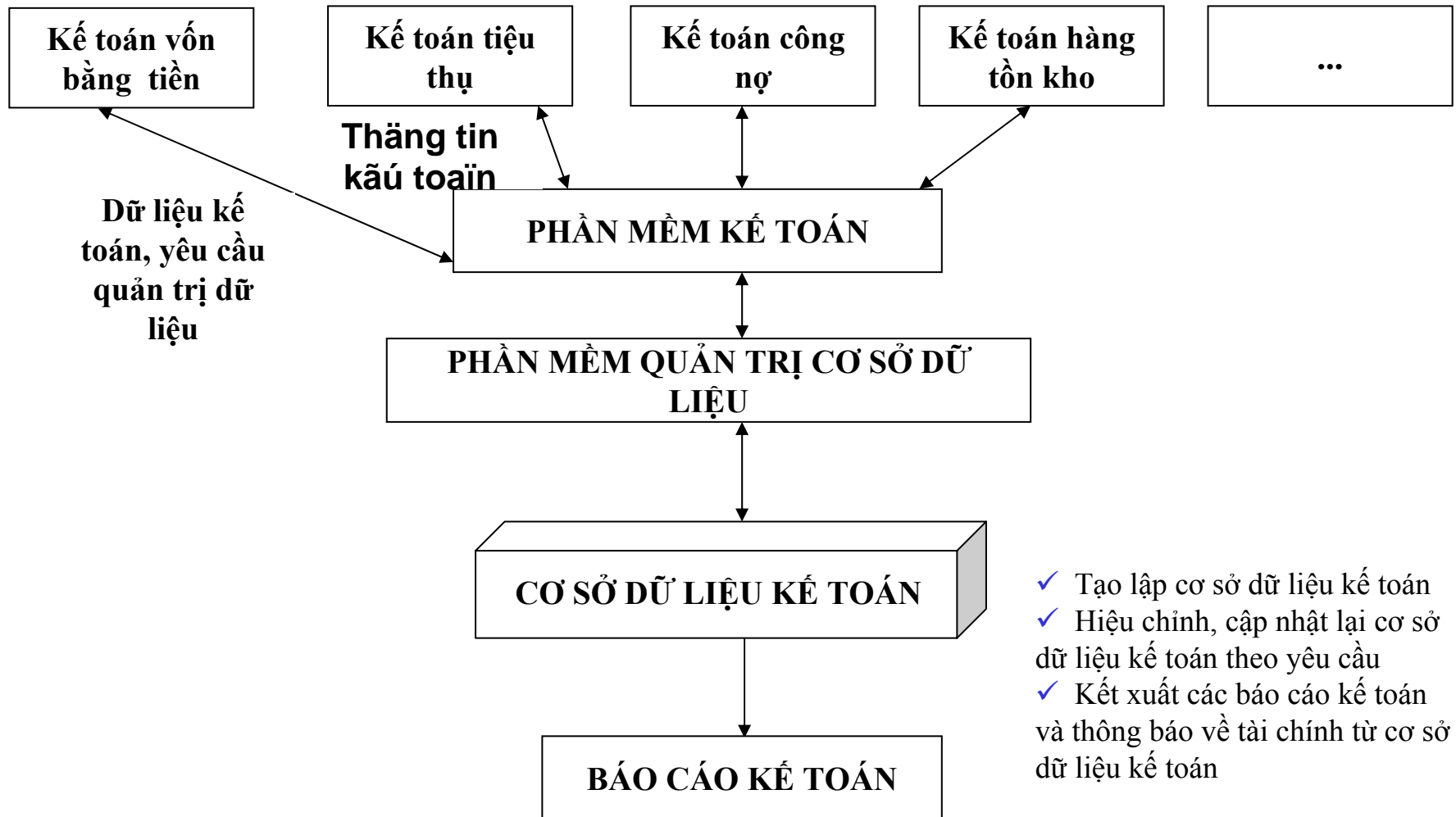
- ❖ Hệ thống sổ cái
- ❖ Hệ thống báo cáo kế toán (Báo cáo kế toán tài chính, Báo cáo kế toán quản trị)



Phần mềm kế toán

- ❖ Phần mềm kế toán là hệ thống các chương trình để duy trì sổ sách kế toán trên máy vi tính.
- ❖ Công việc của người kế toán viên:
 - ❖ Nhập số liệu \implies In báo cáo kế toán quản trị
 - Hoặc
 - ❖ Nhập số liệu \implies Thực hiện thao tác cuối kỳ \implies In báo cáo kế toán quản trị và báo cáo kế toán tài chính
 - ❖ Tự viết chương trình kế toán
 - ❖ Mua các phần mềm kế toán trọn gói

VAI TRÒ CỦA PHẦN MỀM KẾ TOÁN TRONG HTTTKT (AIS)

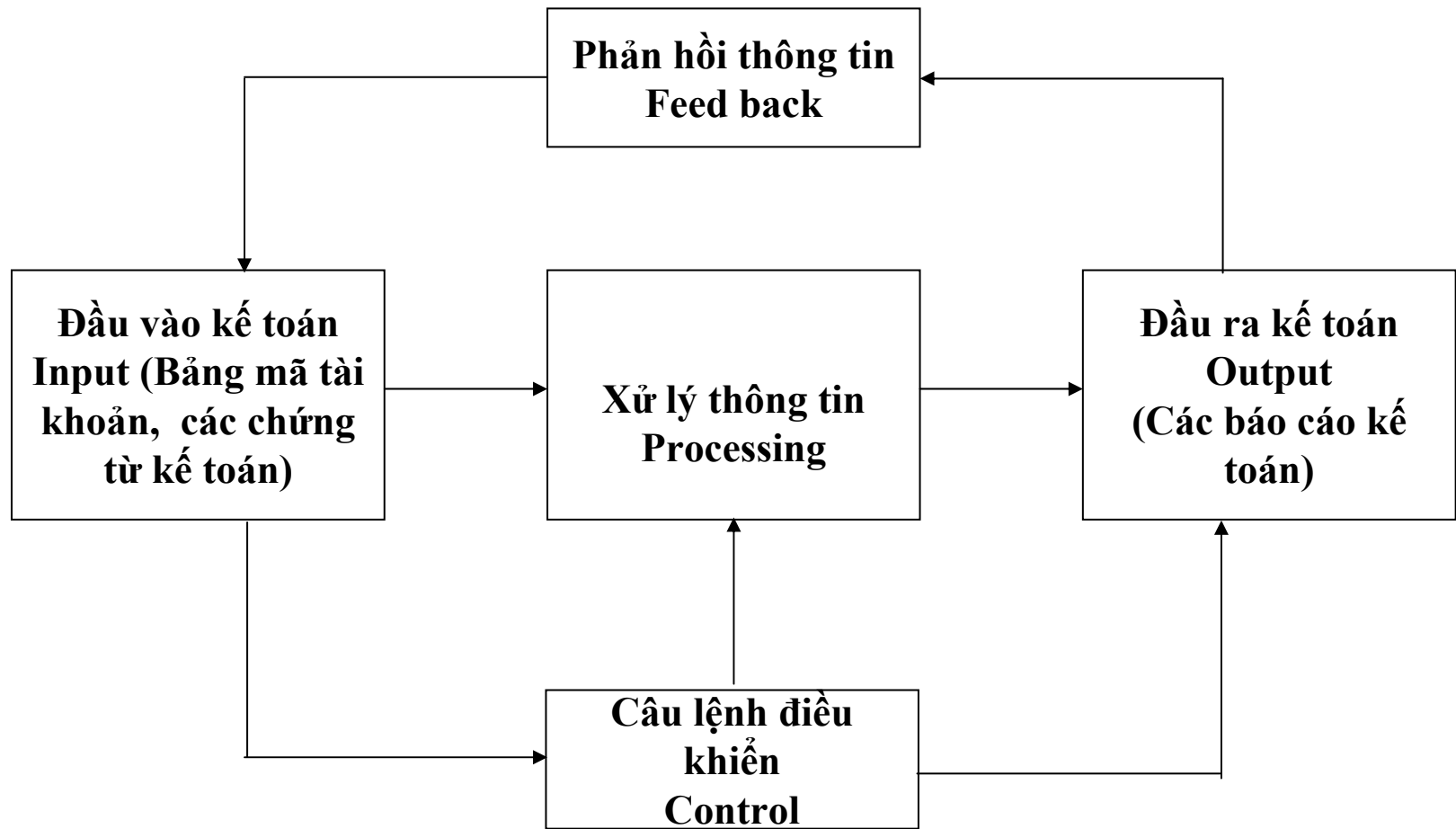




Các loại file cơ bản trong Chương trình kế toán máy

- ❖ ***Dạng file cơ sở dữ liệu***
 - ❖ Tập danh mục từ điển
 - ❖ Tập nghiệp vụ giao dịch
 - ❖ Tập báo cáo/ thông tin khái quát
- ❖ ***Dạng file chương trình***
 - ❖ Giúp liên kết công cụ kế toán để tạo ra báo cáo kế toán.
- ❖ ***Dạng file biểu mẫu***

CẤU TRÚC CỦA CHƯƠNG TRÌNH KẾ TOÁN MÁY



Các yếu tố cơ bản của một chương trình kế toán máy

- ❖ ***Hệ thống đầu vào của một chương trình kế toán máy***
 - ❖ Hệ thống số, báo cáo kế toán
 - ❖ Hệ thống các công cụ kế toán, đối tượng kế toán
 - ❖ Các chứng từ phát sinh
- ❖ ***Xử lý thông tin***
- ❖ ***Hệ thống đầu ra của một chương trình kế toán máy***
 - ❖ Đầu ra kế toán là kết quả của hệ thống đầu vào kế toán và quá trình xử lý của máy thông qua các câu lệnh của người thực hiện.
 - ❖ Kết hợp các số liệu trên các chứng từ kế toán với các biểu mẫu kế toán cung cấp các báo cáo kế toán hoàn chỉnh
- ❖ ***Các câu lệnh điều khiển***
- ❖ ***Phản hồi thông tin***
- ❖ ***Nguyên tắc tổ chức thông tin trên máy***
 - ❖ ***Nguyên tắc lưu trữ một lần***
 - ❖ ***Nguyên tắc hạch toán kế toán doanh nghiệp***



CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG I

1. Trình bày các giai đoạn xử lý nghiệp vụ của hệ thống thông tin kế toán (AIS)
2. So sánh kế toán thủ công với kế toán máy
3. Khái niệm phần mềm kế toán. Vai trò của phần mềm kế toán trong hệ thống thông tin kế toán
4. Hãy cho biết cấu trúc của một chương trình kế toán trên máy
5. Trình bày các loại file cơ bản trong một chương trình kế toán máy
6. Khi làm kế toán trên máy vi tính cần tuân theo những nguyên tắc nào?



CHƯƠNG II: XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU CHO MỘT CHƯƠNG TRÌNH KẾ TOÁN

❖ MỤC TIÊU

- ❖ Cung cấp kiến thức nhằm giúp sinh viên hiểu biết toàn diện về hệ thống bảng mã kế toán tại các doanh nghiệp.
- ❖ Nắm vững yêu cầu, nguyên tắc thiết lập bảng mã kế toán nhằm nâng cao khả năng tiếp cận và quản lý các đối tượng kế toán tại các doanh nghiệp.
- ❖ Tăng cường khả năng thực hành thiết kế bảng mã kế toán tại một số doanh nghiệp đặc trưng.

❖ SỐ TIẾT: 13



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ❖ Công ty tài chính kế toán FAST, 2005, Chương 2: Xây dựng danh mục trong Sổ liệu thực hành phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING, Trang 3-9.



Hệ thống bảng mã kế toán

- ❖ *Mục đích thiết lập hệ thống bảng mã kế toán*
 - ❖ Đăng ký, khai báo hệ thống các đối tượng kế toán
- ❖ *Một số vấn đề về mã hoá đối tượng kế toán trên máy vi tính*
 - ❖ *Mã hoá*: quá trình sử dụng một bộ các ký tự để nhận diện duy nhất các đối tượng cần quản lý.
 - ❖ *Mục đích mã hoá đối tượng kế toán*:
 - ± Tránh nhầm lẫn các đối tượng kế toán.
 - ± Truy cập dữ liệu nhanh chóng và dễ dàng
 - ± Phân định và tổ chức các phần hành kế toán một cách khoa học
 - ❖ *Yêu cầu mã hóa đối tượng kế toán*
 - ± Có độ dài gọn và đủ
 - ± Dễ nhớ
 - ± Dễ bổ sung
 - ± Tính nhất quán



Hệ thống bảng mã kế toán trong doanh nghiệp

❖ *Khái niệm*

- ❖ Các mã sẽ được dùng thay cho tên tương ứng trong các thao tác tìm kiếm và tính toán .
- ❖ Tuân theo những tiêu chuẩn nhất định
- ❖ Một số bảng mã chủ yếu trong doanh nghiệp:
 - ± Bảng mã tài khoản
 - ± Bảng mã chi tiết đơn vị, khách hàng
 - ± Bảng mã vật tư, hàng hoá
 - ± Bảng mã kho
 - ± Bảng mã TSCĐ

❖ *Nguyên tắc thiết lập bảng mã*

- ❖ Mỗi một đối tượng kế toán được mã hoá bởi một mã hiệu trong một bảng mã.
- ❖ Mã hiệu phải được dùng để thay thế cho tên của đối tượng đó trong suốt quá trình hạch toán.
- ❖ Mã hiệu phải ngắn gọn, dễ nhớ.



Bảng mã tài khoản

- ❖ Mục đích: Đăng ký các tài khoản sẽ được sử dụng chính thức tại doanh nghiệp
- ❖ Đặc điểm:
 - ❖ Được xây dựng dựa trên bộ mã chuẩn của Bộ tài chính ban hành
 - ❖ Được phép mở thêm các tiểu khoản trên cơ sở hệ thống tài khoản chuẩn
 - ❖ Hạch toán trên tài khoản chi tiết
 - ❖ Không được trùng mã hiệu



Bảng mã chi tiết đơn vị, khách hàng

- ❖ Mục đích: mở sổ chi tiết quản lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến khách hàng, đơn vị.
- ❖ Đặc điểm
 - ❖ Quản lý công nợ tổng hợp thực hiện chung cho tất cả các khách hàng
 - ❖ Chi tiết công nợ khách hàng quản lý theo thời gian
 - ❖ Mã khách hàng
 - ± Mã kiểu số
 - ± Mã gọi nhớ
 - ± Mã kiểu khối
- ❖ Lưu ý:
 - ❖ Không được sử dụng một mã cho hai khách hàng khác nhau.
 - ❖ Không được đưa một mã là thành phần của một mã khác vào sử dụng.
 - ❖ Các mã khách nên có độ dài giống nhau.



Bảng danh điểm vật tư, hàng hóa

- ❖ Mục đích: Dùng để cập nhật, xem, lưu giữ danh mục hàng hoá, vật tư
- ❖ Đặc điểm:
 - ❖ Liên quan đến quản lý kho hàng
 - ❖ Chi tiết hơn mã khách hàng
- ❖ Cấu trúc của một bảng mã danh điểm vật tư, hàng hoá
 - ❖ Tên vật tư, hàng hoá
 - ❖ Mã vật tư



Bảng mã chứng từ

- ❖ Bộ mã chứng từ .
- ❖ Số chứng từ
- ❖ Thời gian lập chứng từ
- ❖ Ký hiệu phân loại chứng từ



Hướng dẫn thực hành



Danh mục khách hàng, nhà cung cấp và các đối tượng công nợ

Đối tượng công nợ	Cách mã hoá
Khách hàng	KH**
Nhà cung cấp hàng hoá, dịch vụ	NB**
Nhân viên trong cty	NV***



Danh mục kho hàng

Kho vật tư	Cách mã hoá
Kho hàng hoá	KHH
Kho thành phẩm	KTP
Kho nhiên liệu	KNL
Kho công cụ, dụng cụ	KCC
Kho vật liệu chính	KVLC
Kho đại lý	KDLD1
Kho đại lý của khách hàng H1	KDLH1
Kho đại lý của khách hàng H3	KDLH3



Danh mục hàng hóa, vật tư

Hàng hóa, vật tư	Cách mã hóa
Hàng hóa	HH*
Thành phẩm	TP*
Công cụ	CC*
Nhiên liệu	NL*
Phụ tùng	PT*
Vật liệu chính	VLC*
Vật liệu phụ	VLP*



Danh mục tài sản cố định

Tài sản cố định	Cách mã hóa
Nhà xưởng vật kiến trúc	NXKT*
Máy móc, thiết bị	MMTB*
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	PTVT*
Thiết bị, dụng cụ quản lý	TBQL*



CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG II

1. Khái niệm cơ sở dữ liệu kế toán, các yếu tố cấu thành cơ sở dữ liệu của một chương trình kế toán?
2. Vì sao cần phải mã hoá các đối tượng kế toán? Yêu cầu mã hóa đối tượng kế toán
3. Mục đích thiết lập hệ thống bảng mã kế toán là gì?
4. Khi thiết lập bảng mã cần tuân theo những nguyên tắc nào?
5. Bảng mã tài khoản là gì? Trình bày những nội dung cơ bản của một bảng mã tài khoản.
6. Việc mở sổ chi tiết theo dõi từng đơn vị, khách hàng được thực hiện trong chương trình kế toán máy như thế nào?
7. Trình bày một số phương pháp mã hoá vật tư, hàng hoá tiêu biểu. Nêu ưu điểm của các phương pháp này.



BÀI TẬP THỰC HÀNH CHƯƠNG II



CHƯƠNG III: CẬP NHẬT CÁC NGHIỆP VỤ PHÁT SINH

❖ MỤC TIÊU

- ❖ Nhận diện rõ sự khác nhau cơ bản khi thực hiện công tác hạch toán trên máy và kế toán thủ công
- ❖ Tăng cường khả năng hiểu biết về chức năng, nhiệm vụ của từng phân hệ kế toán và các thao tác trên các phần mềm kế toán nhằm thực hiện công tác hạch toán tại các doanh nghiệp
- ❖ Giúp sinh viên thực hành thành thạo phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING để theo dõi các nghiệp vụ phát sinh tại doanh nghiệp

❖ SỐ TIẾT: 15



TÀI LIỆU THAM KHẢO

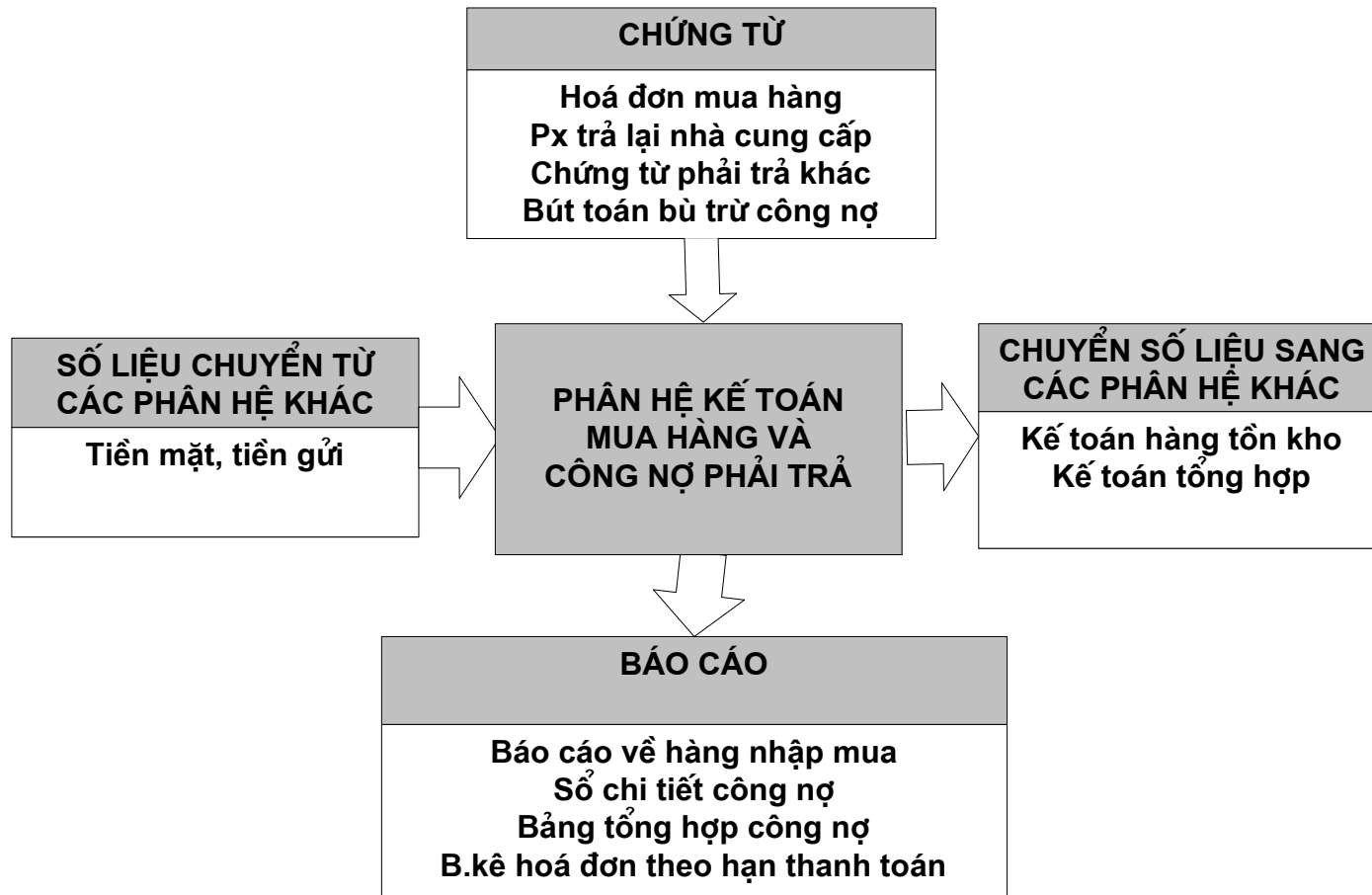
- ❖ PGS.TS Nguyễn Văn Công, 2004, Vận dụng chuẩn mực kế toán mới vào các phân hành kế toán doanh nghiệp.
- ❖ TS.Trần Thị Song Minh, 2005, Chương III: Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING trong Giáo trình kế toán máy, Trang 85 - 216, NXB Lao động-Xã hội
- ❖ Công ty tài chính kế toán FAST, 2005, Hướng dẫn thực hành phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING
- ❖ Công ty tài chính kế toán FAST, 2005, Sổ liệu thực hành phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING



Kế toán mua hàng và công nợ phải trả

- ❖ Nhiệm vụ của kế toán mua hàng và công nợ phải trả
 - ❖ Theo dõi tổng hợp và chi tiết hàng mua vào theo mặt hàng, nhà cung cấp và hợp đồng.
 - ❖ Tính thuế GTGT của hàng hoá mua vào.
 - ❖ Theo dõi các khoản phải trả, tình hình trả tiền và tình trạng phải trả cho các nhà cung cấp.
 - ❖ Cập nhật các phiếu nhập: nội địa, nhập khẩu, chi phí mua hàng, hoá đơn mua dịch vụ.
 - ❖ Cập nhật các phiếu xuất trả lại nhà cung cấp.
 - ❖ Cập nhật các chứng từ phải thu khác và chứng từ bù trừ công nợ.
 - ❖ Theo dõi theo VNĐ và ngoại tệ
 - ❖ Liên kết số liệu với phân hệ khác

Sơ đồ tổ chức của phân hệ kế toán mua hàng và công nợ phải trả





Trình tự cập nhật nghiệp vụ mua hàng và công nợ phải trả

- ❖ Cập nhật chứng từ đầu vào
 - ❖ Phiếu nhập mua hàng
 - ❖ Phiếu nhập khẩu
 - ❖ Phiếu nhập chi phí mua hàng
 - ❖ Phiếu xuất trả lại nhà cung cấp
 - ❖ Phiếu nhập xuất thẳng
 - ❖ Hóa đơn mua hàng (dịch vụ)
 - ❖ Phiếu thanh toán tạm ứng
 - ❖ Phiếu ghi nợ, ghi có tài khoản công nợ
 - ❖ Chứng từ bù trừ công nợ



Trình tự cập nhật nghiệp vụ mua hàng và công nợ phải trả

- ❖ Cập nhật phiếu nhập mua hàng và phiếu nhập khẩu
 - ❖ Liên quan đến hạch toán tài khoản nợ (tài khoản vật tư)
 - ❖ Thuế GTGT được khấu trừ
- ❖ Cách thức cập nhật chi phí mua hàng
 - ❖ Được tính riêng và cộng vào giá vốn
 - ❖ Tổng chi phí mua hàng được nhập cùng với phiếu nhập mua
 - ❖ Chi phí mua hàng được nhập riêng như một chứng từ nhập mua



Kế toán TSCĐ

- ❖ Nhiệm vụ của kế toán TSCĐ
 - ❖ Ghi chép, tổng hợp chính xác, kịp thời số lượng, giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng giảm và hiện trạng TSCĐ trong phạm vi toàn đơn vị



Hạch toán các nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ

❖ *Hạch toán tăng TSCĐ*

- ❖ Chứng từ, thủ tục hạch toán tăng TSCĐ
 - ± Biên bản giao nhận TSCĐ” (Mẫu 01-TSCĐ)
 - ± Hợp đồng, hoá đơn mua TSCĐ và các chứng từ khác liên quan
- ❖ Phần hành kế toán TSCĐ trên máy
 - ± Theo dõi biến động cả về mặt số lượng và giá trị TSCĐ
 - ± Các loại chứng từ dùng hạch toán TSCĐ tương tự như kế toán thủ công
 - ± Quá trình ghi chép xử lý được thực hiện một cách tự động trên máy với nguyên tắc lưu trữ một lần.



Hạch toán các nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ

❖ Hạch toán giảm TSCĐ

- ❖ Chứng từ, thủ tục và hạch toán chi tiết giảm TSCĐ
 - ± Biên bản thanh lý TSCĐ (mẫu 03-TSCĐ),
 - ± Quyết định và biên bản giao nhận TSCĐ, hợp đồng mua bán TSCĐ...
- ❖ Hạch toán tổng hợp giảm TSCĐ hữu hình
 - ± Trường hợp TSCĐ dùng cho sản xuất kinh doanh
 - ± Trường hợp TSCĐ dùng cho nhu cầu văn hoá, phúc lợi



Kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm

- ❖ Các trường hợp tính giá thành
 - ❖ Giá thành công trình xây lắp
 - ❖ Giá thành sản phẩm sản xuất liên tục
 - ❖ Giá thành sản phẩm sản xuất theo đơn đặt hàng
- ❖ Kế toán chi phí & tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục
 - ❖ Nhiệm vụ
 - ± Căn cứ đặc điểm tính chất quy trình công nghệ, tổ chức sản xuất, đặc điểm sản phẩm và đơn vị tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp để xác định đối tượng và phương pháp tính giá thành thích hợp.
 - ± Ghi chép, phản ánh đầy đủ, kịp thời mọi chi phí thực tế phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm

Khai báo thông tin để tính giá thành sản phẩm

1.A. DANH MỤC TỪ ĐIỂN BỘ PHẬN HẠCH TOÁN (dây chuyền, bộ phận sản xuất)		Chọn “Hệ thống\ Danh mục từ điển và tham số tùy chọn\ Danh mục bộ phận hạch toán”
<i>Mã BPHT</i>	<i>Tên BPHT</i>	
PXA	Phân xưởng A	
PXB	Phân xưởng B	
2.A. DANH MỤC PHÂN NHÓM YẾU TỐ CHI PHÍ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM		Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Khai báo sản phẩm và dỡ dang đầu kỳ sản phẩm sản xuất liên tục\ Danh mục phân nhóm yếu tố chi phí tính giá thành sản phẩm”
<i>Mã nhóm YTCP</i>	Tên nhóm YTCP	
01	Chi phí NVL	
02	Chi phí nhân công	
03	Chi phí sản xuất chung	

Khai báo thông tin để tính giá thành sản phẩm

3.A. DANH MỤC YẾU TỐ CHI PHÍ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM				Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Khai báo sản phẩm và dở dang đầu kỳ sản phẩm sản xuất liên tục\ Danh mục yếu tố chi phí tính giá thành sản phẩm”
<i>Mã YTCP</i>	<i>Tên YTCP</i>	<i>Mã nhóm YTCP</i>	<i>TK Nợ</i>	
ANVL	CP NVL PXA	01	621 PXA	
ANCONG	CP NC PXA	02	622 PXA	
ACPC1	CP NV PXA	03	627 PXA	
4.A. NHẬP ĐỊNH MỨC NVL (Chi tiết cho từng PX, chi tiết đến từng sản phẩm) PXA- SPA				Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Khai báo sản phẩm và dở dang đầu kỳ sản phẩm sản xuất liên tục\ Nhập định mức NVL”
Mã NVL		Định mức kế hoạch		
VLC1		10		
VLC2		10		
VLP1		10		
CLP2		10		

Khai báo thông tin để tính giá thành sản phẩm

5.A. KHAI BÁO TK PHÂN BỐ THEO HỆ THỐNG

Mục đích: Nhập hệ số dùng để phân bổ CP nhân công 622PXA hay chi phí chung 627xPXA cho các sản phẩm SPA và SPB trong PXA từ bàn phím

Mã BPHT: PXA

TK có: 622 PXA (CPNC trực tiếp PXA)

(Tương tự: 6271PXA, 6272PXA, 6273 PXA, 6274PXA, 6277PXA, 6278PXA)

Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Khai báo sản phẩm và dở dang đầu kỳ sản phẩm sản xuất liên tục\ Khai báo TK phân bổ theo hệ số”

TK Nợ	Mã SP	Hệ Số
154PXA	SPA	1200
154PXB	SPB	1300

6.A. KHAI BÁO TK PHÂN BỐ THEO NVL

Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Khai báo sản phẩm và dở dang đầu kỳ sản phẩm sản xuất liên tục\ Khai báo TK phân bổ theo NVL”

Cập nhật thông tin đầu (số lượng sản phẩm dở dang đầu kỳ)

Thông tin cần cập nhật				Cách thực hiện
1.B. SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM DỞ DANG ĐẦU KỲ Khai báo năm:2005 Yêu cầu: <i>Chi tiết đến từng BPHT, chi tiết đến từng SP</i>				Chọn “KT Chi phí và tính giá thành\ Khai báo sản phẩm và dở dang đầu kỳ sản phẩm sản xuất liên tục\ Cập nhật số lượng sản phẩm dở dang đầu kỳ” Chú ý: Vẫn phải cập nhật số dư đầu kỳ của các TK 154PXA và 154PXB theo danh mụcTK
<i>BPHT</i>	<i>Mã SP</i>	<i>SL dd</i>	<i>Tiền dd</i>	
PXA	SPA	500	22500000	
PXB	SPB	200	15000000	
2.B. CẬP NHẬT NVL DỞ DANG ĐẦU KỲ Khai báo năm:2005 Yêu cầu: <i>Chi tiết đến từng BPHT, chi tiết đến từng SP, Chi tiết đến từng loại NVL</i>				Chọn: KT Chi phí và tính giá thành\Khai báo sản phẩm và dở dang đầu kỳ sản phẩm sản xuất liên tục\ Cập nhật NVL dở dang đầu kỳ” Chú ý: Vẫn phải cập nhật số dư đầu kỳ của các TK 152x theo danh mục TK
<i>BPHT</i>	<i>Mã SP</i>	<i>Mã NVL</i>	<i>Tiền dở dang</i>	
PXA	SPA	VLC1	5000000	
PXA	SPA	VLC2	10000000	
PXA	SPA	VLP1	2500000	
PXA	SPA	VLP2	5000000	

Cập nhật thông tin đầu (số lượng sản phẩm dở dang đầu kỳ)

3.B. SẢN PHẨM DỞ DANG ĐẦU KỲ THEO YẾU TỐ CHI PHÍ

Khai báo năm: 2005

Yêu cầu: *Chi tiết đến từng BPHT, chi tiết đến từng SP, chi tiết đến từng yếu tố chi phí*

Chọn “Chi phí và tính giá thành\
Khai báo sản phẩm và dở dang đầu kỳ sản phẩm sản xuất liên tục\
Cập nhật sản phẩm dở dang đầu kỳ theo yếu tố chi phí”

BPHT	Mã SP	Mã yếu tố CP	Tiền
PXA	SPA	ANVL	22500000
PXB	SPB	ANVL	15000000

Quy trình tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục

<i>Công việc cần thực hiện</i>				<i>Cách thực hiện</i>
<p>1.C. CẬP NHẬT SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM DỞ DANG CUỐI KỲ Khai báo tháng: 1; Năm:2005 Yêu cầu: <i>Chi tiết đến từng BPHT, chi tiết đến từng SP</i></p>				<p>Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục\ Cập nhật số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ” <u>Chú ý:</u> SL SP dở dang cuối kỳ được đánh giá theo tỷ lệ hoàn thành là 100%</p>
<i>BPHT</i>	<i>MA SP</i>	<i>SLDD</i>	<i>Tiền DD</i>	
PXA	SPA	250	11250000	
PXA	SPB	180	13500000	

Quy trình tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục

<p>2.C. CẬP NHẬT NVL DỜ DANG CUỐI KỲ Khai báo năm: 2005 Yêu cầu: <i>Chi tiết đến từng BPHT, chi tiết đến từng SP, chi tiết đến từng loại NVL</i></p>				Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Khai báo sản phẩm và dở dang\dauf kỳ sản phẩm sản xuất liên tục\ Cập nhật NVL dở dang cuối kỳ”
BPHT	Mã SP	Mã NVL	Tiền dở dang	
PXA	SPA	VLC1	xxxxxxx	
PXA	SPA	VLC2	xxxxxxx	
PXA	SPA	VLP1	xxxxxxx	
PXA	SPA	VLP2	xxxxxxx	
<p>3.C. TÍNH VÀ ÁP GIÁ XUẤT KHO NVL, CC DC Mục đích: Tập hợp CP NVL, CP sản xuất chung</p>				Chọn “Kế toán hàng tồn kho\ cập nhật số liệu\ Tính giá trung bình” <u>Chú ý:</u> Để lên bảng giá trung bình của 1 tháng chọn “Kế toán hàng tồn kho\ Báo cáo hàng tồn kho\ Bảng giá TB tháng”

Quy trình tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục

<p>4.C. KẾT CHUYỂN CHI PHÍ NVL TRỰC TIẾP (621->154)</p>	<p>Dùng bút toán KC tự động trong phân hệ KT tổng hợp.</p>										
<p>5.C. TÍNH SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM SẢN XUẤT TRONG KỲ</p> <p><i>Mục đích:</i> Làm cơ sở tính số lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ (dùng làm hệ số phân bổ CPNVL cho các sản phẩm bên cạnh định mức NVL dành cho mỗi sản phẩm đó)</p> <p><i>Khai báo tháng, năm và BPHT cho các sản phẩm cần tính SLSP nhập kho</i></p>	<p>Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục\ Tính số lượng sản phẩm nhập kho trong kỳ” (Tổng hợp từ các phiếu nhập kho TP)</p> <p>($SL-sx=SL-ck+SL-nk-SL-dk$)</p>										
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">Ma - SP</th> <th style="width: 15%;">SL-dk</th> <th style="width: 15%;">SL-sx</th> <th style="width: 15%;">SL-ck</th> <th style="width: 45%;">SL-nk</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="padding: 5px;">SPA</td> <td style="padding: 5px;">500 (1.b)</td> <td style="padding: 5px;">1250</td> <td style="padding: 5px;">250 (1.c)</td> <td style="padding: 5px;">1500 (Phiếu nhập kho TP)</td> </tr> </tbody> </table>	Ma - SP	SL-dk	SL-sx	SL-ck	SL-nk	SPA	500 (1.b)	1250	250 (1.c)	1500 (Phiếu nhập kho TP)	
Ma - SP	SL-dk	SL-sx	SL-ck	SL-nk							
SPA	500 (1.b)	1250	250 (1.c)	1500 (Phiếu nhập kho TP)							

Quy trình tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục

<p>6.C. TẬP HỢP VÀ PHÂN BỐ CHI PHÍ NVL <i>Khai báo tháng, năm, và BPHT cho các sản phẩm cần phân bổ CP NVL</i> <u>Mục đích</u>: Phân bổ CP NVL (chi tiết đến từng loại NVL) cho các sản phẩm trong PXA làm cơ sở tính tổng CP NVL cho từng loại sản phẩm. Ví dụ chi phí VLC2 cho 2 sản phẩm SPA và SPB của PXA là 48600000 sau khi phân bổ SPA: 25000000; SPB:23600000</p>	<p>Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục\ Tổng hợp và phân bổ chi phí NVL”</p>
<p>7.C. PHÂN BỐ CHI PHÍ NHÂN CÔNG VÀ CHI PHÍ CHUNG <u>Mục đích</u>: Phân bổ CP nhân công (622PXA) và CP chung (627xPXA) cho các sản phẩm trong PXA theo hệ số phân bổ CP nhân công CP chung được khai báo trước đó (5.a)</p>	<p>Chọn “Chi phí và tính giá thành\ Tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục\ Phân bổ chi phí theo hệ số NVL”</p>



Quy trình tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục

<p>8.C. TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM <i>Khai báo tháng, năm và BPHT cho các sản phẩm cần tính giá thành</i> <i>Mục đích:</i> Tính giá thành đơn vị sản phẩm sau khi xác định tổng giá thành SP hoàn thành trong kỳ và số lượng sản phẩm nhập kho trong kỳ.</p>	Chọn “KT Chi phí và tính giá thành\ Tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục\ tính giá thành sản phẩm”
<p>9.C. CẬP NHẬT PHIẾU CHO CÁC PHIẾU NHẬP KHO THÀNH PHẨM <i>Mục đích:</i> Áp giá thành phẩm tính được ở 8.C vào đơn giá nhập thành phẩm trong các phiếu nhập kho thành phẩm đã cập nhật trước đó mà mục đơn giá nhập kho còn tạm để trống.</p>	Chọn “KT Chi phí và tính giá thành\ Tính giá thành sản phẩm sản xuất liên tục\ Cập nhật giá cho các phiếu nhập kho thành phẩm”
<p>10.C. CẬP NHẬT GIÁ CHO CÁC PHIẾU XUẤT KHO THÀNH PHẨM (GIÁ TRUNG BÌNH TB)</p>	Chọn “Hàng tồn kho\ Cập nhật số liệu\ Tính giá trung bình”

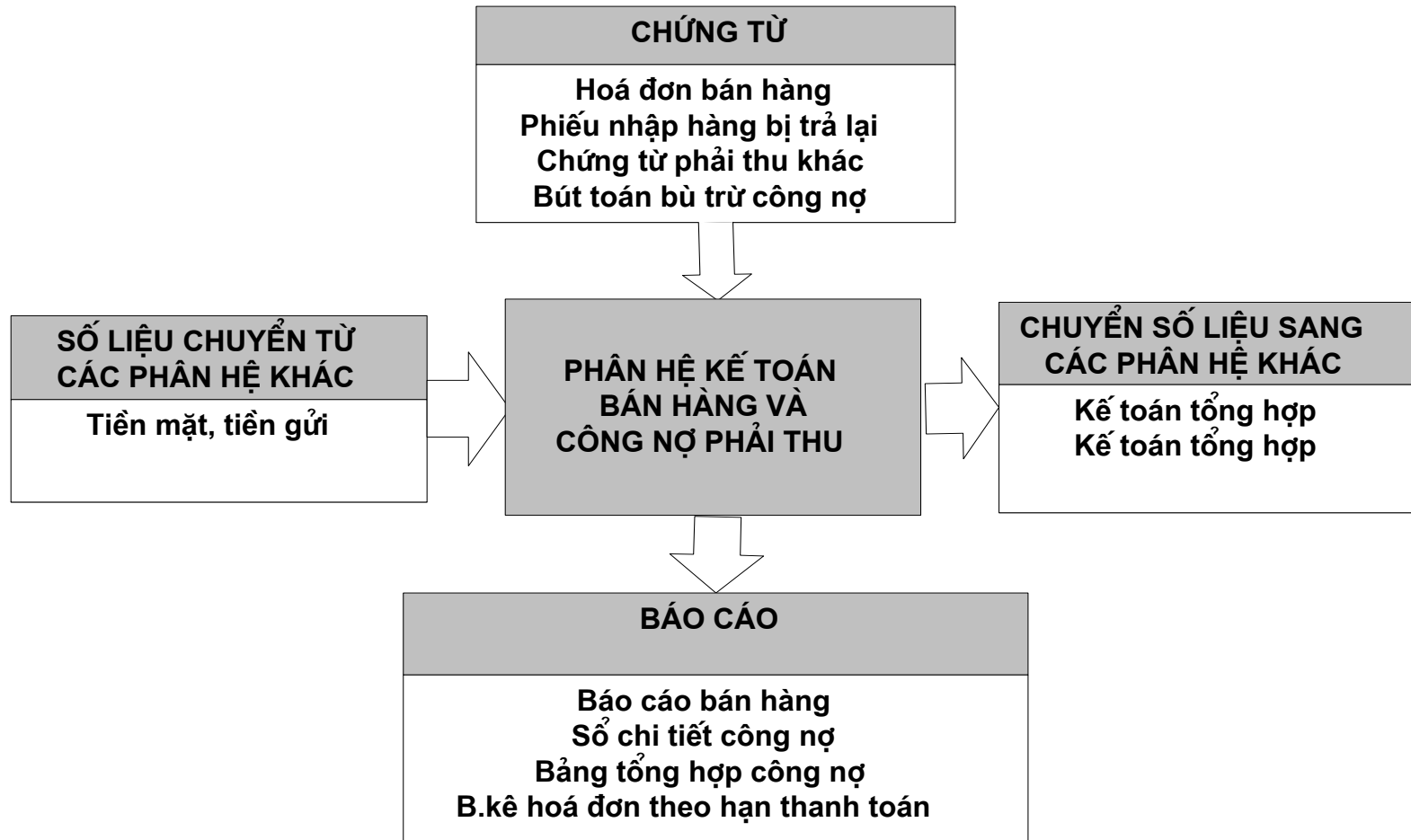


Kế toán bán hàng và công nợ phải thu

❖ *Nhiệm vụ*

- ❖ Cập nhật các hoá đơn bán hàng, bao gồm hoá đơn bán hàng hoá và hoá đơn bán dịch vụ.
- ❖ Cập nhật danh mục giá bán của hàng hoá.
- ❖ Cập nhật các phiếu nhập hàng bán bị trả lại và dịch vụ bị trả lại.
- ❖ Cập nhật các hóa đơn giảm giá, bao gồm giảm giá dịch vụ và giảm giá hàng bán.
- ❖ Cập nhật các chứng từ ghi nợ, ghi có, bù trừ công nợ.
- ❖ Theo dõi tổng hợp và chi tiết hàng bán ra.
- ❖ Theo dõi giá vốn, doanh thu, lợi nhuận theo từng mặt hàng, nhóm hàng.
- ❖ Theo dõi bán hàng theo bộ phận, cửa hàng, nhân viên bán hàng, theo hợp đồng.
- ❖ Tính thuế GTGT của hàng hoá bán ra.
- ❖ Theo dõi các khoản phải thu, tình hình thu tiền và tình trạng công nợ của khách hàng.
- ❖ Liên kết số liệu với phân hệ kế toán khác.

Phân hệ kế toán bán hàng và công nợ phải thu





Kế toán bán hàng và công nợ phải thu

- ❖ Hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho
 - ❖ Chương trình sẽ xử lý cả 2 nghiệp vụ: bán hàng và xuất hàng từ kho
 - ❖ Liên quan đến hạch toán tài khoản vật tư (tài khoản hàng tồn kho), tài khoản doanh thu, tài khoản giá vốn, tài khoản thuế
 - ❖ Các thông tin liên quan đến hóa đơn và khách hàng sẽ được chuyển vào bảng kê hóa đơn đầu ra.
 - ❖ Giá bán của mặt hàng
 - ❖ Chương trình cho phép sửa lại định khoản thuế, số tiền thuế.
 - ❖ Tỷ lệ chiết khấu và số tiền chiết khấu
- ❖ Một số vấn đề liên quan đến quản lý bán hàng
 - ❖ Lưu giá bán lần cuối của từng mặt hàng, tự động gán giá vào trường giá bán
 - ❖ Có thể sửa theo yêu cầu đặc thù của doanh nghiệp.
 - ❖ Cho phép nhập số tiền chiết khấu và tài khoản hạch toán chiết khấu bán hàng.
 - ❖ Chiết khấu bán hàng và chiết khấu thanh toán



Kế toán vốn bằng tiền

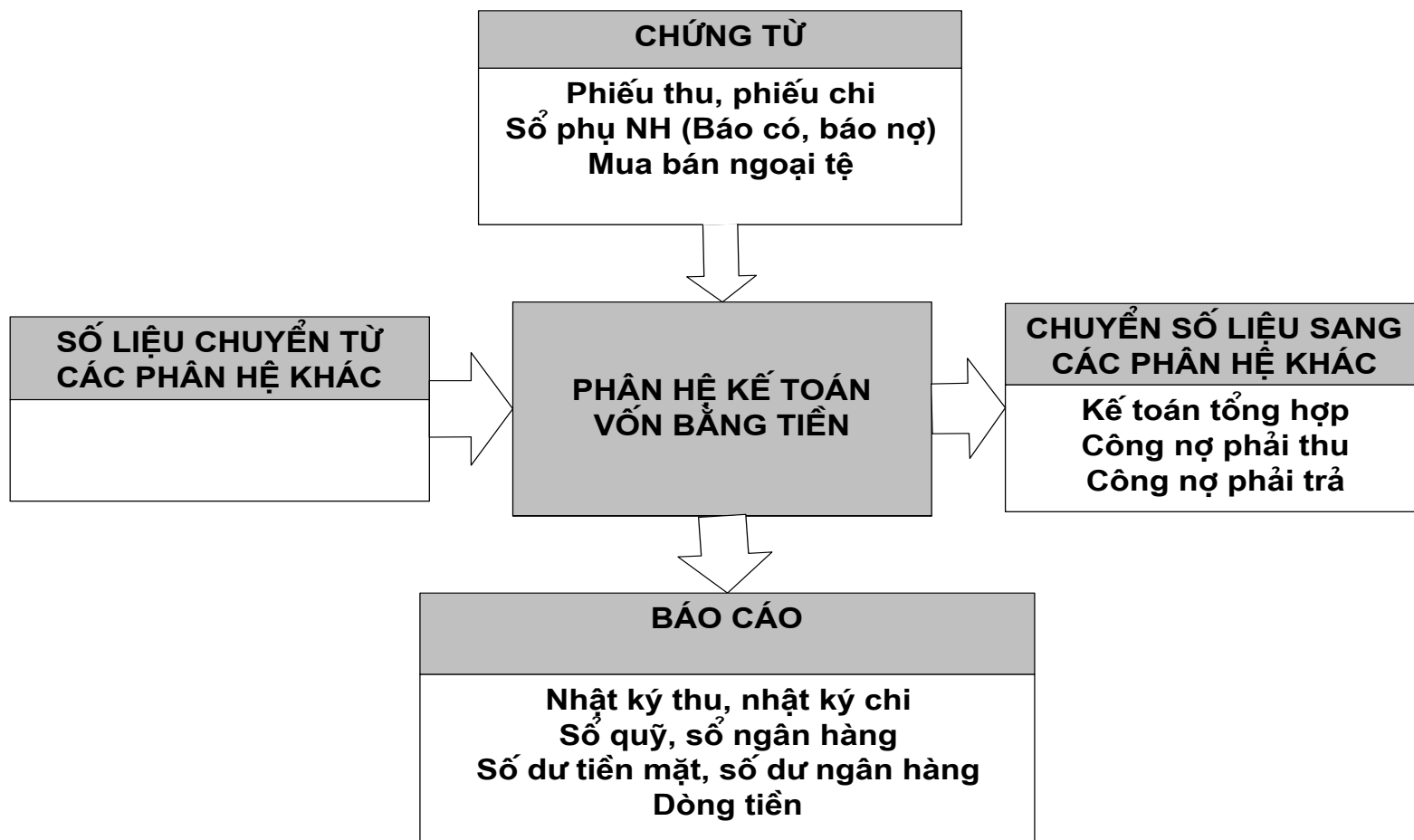
❖ *Nhiệm vụ*

- ❖ Phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác số hiện có và tình hình biến động tăng hoặc giảm hàng ngày của tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng,....
- ❖ Giám đốc chặt chẽ việc chấp hành chế độ thu, chi, quản lý tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (TGNH), quản lý ngoại tệ, vàng bạc, đá quý

❖ *Hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến vốn bằng tiền*

- ❖ Nguyên tắc lưu trữ một lần
- ❖ Xem, sửa, in chứng từ, đối chiếu chứng từ gốc

Phân hệ kế toán vốn bằng tiền

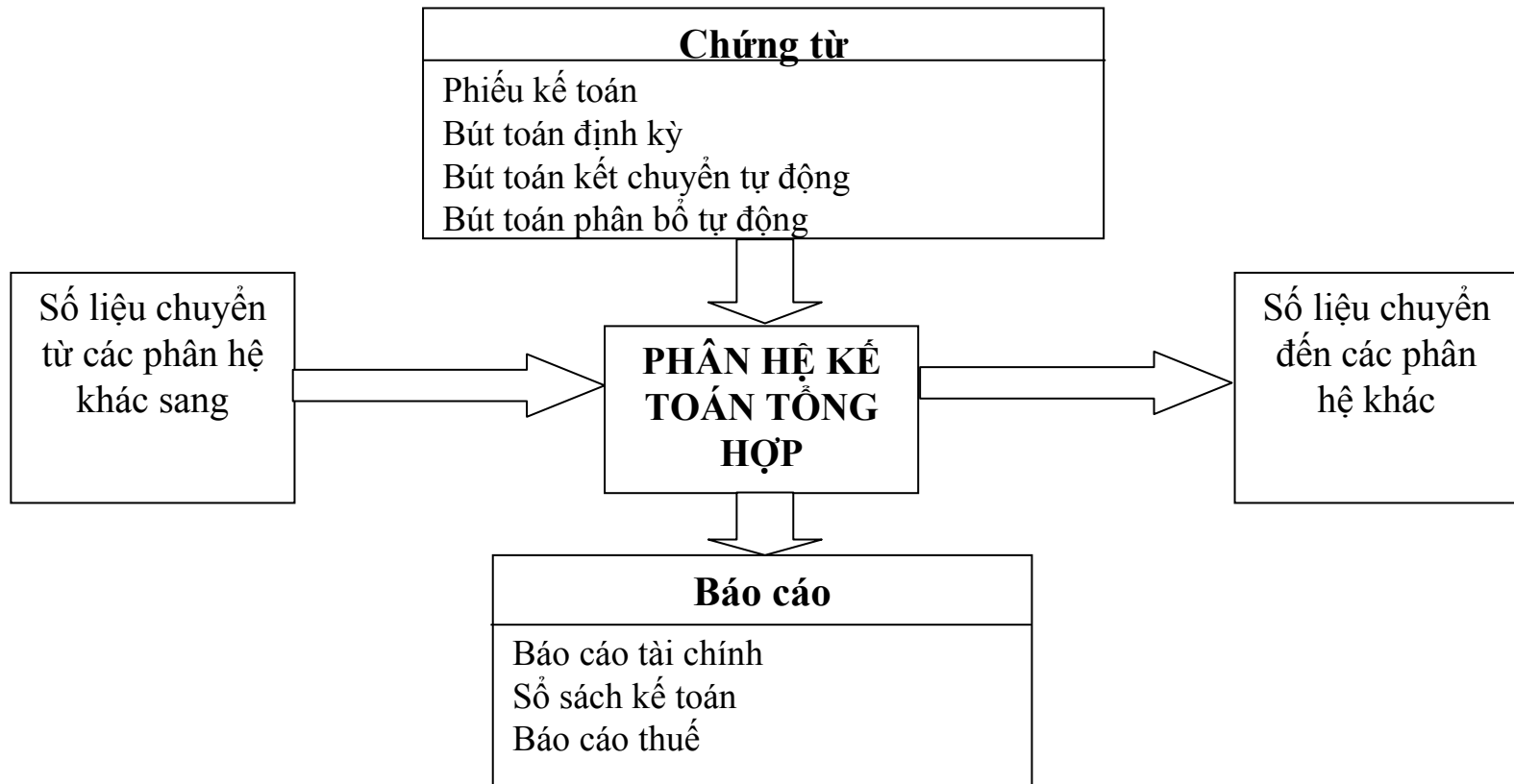




Phân loại phiếu thu

- ❖ Thu tiền chi tiết theo từng hóa đơn (loại phiếu thu bằng 1)
- ❖ Thu tiền của một khách hàng (loại phiếu thu bằng 2)
- ❖ Thu tiền của nhiều khách hàng (loại phiếu thu bằng 3)
- ❖ Nhận (thu) tiền đi vay (loại phiếu thu bằng 4)
- ❖ Chuyển tiền ngoại tệ (loại phiếu thu bằng 5)
- ❖ Mua ngoại tệ (loại phiếu thu bằng 6)
- ❖ Người mua trả tiền trước (loại phiếu thu bằng 7)
- ❖ Thu khác (loại phiếu thu bằng 9)

Kế toán tổng hợp





CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG III

1. Hãy so sánh sự khác nhau, giống nhau khi tiến hành công tác kế toán tài sản cố định, kế toán vốn bằng tiền theo phương pháp thủ công và kế toán máy
2. Trình bày chức năng và các thao tác cập nhật số liệu trong phân hệ kế toán mua hàng và công nợ phải trả
3. Trình bày chức năng và các thao tác cập nhật số liệu trong phân hệ kế toán bán hàng và công nợ phải thu
4. Trình bày chức năng và các thao tác cập nhật số liệu trong phân hệ kế toán vốn bằng tiền
5. Chứng từ trùng và vấn đề khử trùng trong FAST ACCOUNTING



BÀI TẬP THỰC HÀNH CHƯƠNG III



CHƯƠNG IV

THIẾT LẬP HỆ THỐNG BẢNG BIỂU KẾ TOÁN

❖ MỤC TIÊU

- ❖ Nhận diện rõ sự khác nhau cơ bản khi thiết lập hệ thống bảng biểu kế toán trong các phần mềm kế toán và kế toán thủ công
- ❖ Giúp sinh viên nắm vững các nguyên tắc thiết lập các báo cáo kế toán trên máy, các thao tác chỉnh sửa sổ kế toán, báo cáo kế toán.
- ❖ Giúp sinh viên thực hành thành thạo phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING, cung cấp hệ thống bảng biểu kế toán theo mô hình của một số doanh nghiệp đặc trưng.

❖ SỐ TIẾT: 7

❖ TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- ❖ PGS.TS Nguyễn Văn Công, 2004, Phần 9: Báo cáo kế toán trong Vận dụng chuẩn mực kế toán mới vào các phần hành kế toán doanh nghiệp, Trang 291-293, NXB Tài chính Hà Nội.
- ❖ Công ty tài chính kế toán FAST, 2005, Chương 5: Phân hệ kế toán tổng hợp trong Hướng dẫn thực hành phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING, trang 17-18.



Hệ thống bảng biểu kế toán

❖ *Khái niệm hệ thống bảng biểu kế toán*

- ❖ Sổ kế toán
- ❖ Các báo cáo kế toán
 - ± Báo cáo kế toán tài chính
 - ± Báo cáo kế toán quản trị

❖ *Mục đích thiết lập hệ thống bảng biểu kế toán*

- ❖ *Mục đích ghi sổ kế toán* : Phục vụ yêu cầu tổng hợp và phân tích thông tin
- ❖ *Mục đích thiết lập hệ thống báo cáo kế toán*:
 - ± Báo cáo kế toán tài chính: Cung cấp thông tin về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và những biến động về tình hình của doanh nghiệp, giúp người sử dụng ra quyết định kinh tế kịp thời .
 - ± Báo cáo kế toán quản trị: Cung cấp thông tin hữu ích phục vụ cho việc hoạch định, kiểm soát và ra quyết định của nhà quản lý



Nội dung, trình tự ghi sổ kế toán

- ❖ Các loại sổ kế toán khác nhau:
 - ❖ Chức năng ghi chép của sổ
 - ❖ Hình thức và nội dung kết cấu
 - ❖ Phương pháp hạch toán các chỉ tiêu thông tin trên sổ kế toán
 - ❖ Cơ sở số liệu ghi chép vào sổ
- ❖ Yêu cầu tổ chức hệ thống sổ kế toán:
 - ❖ Đảm bảo mối quan hệ giữa ghi sổ theo thứ tự thời gian và ghi sổ theo hệ thống nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh
 - ❖ Đảm bảo mối quan hệ giữa ghi sổ kế toán tổng hợp với ghi sổ kế toán chi tiết
 - ❖ Đảm bảo mối quan hệ kiểm tra, đối chiếu số liệu



Nội dung, phương pháp lập báo cáo kế toán

❖ *Bảng cân đối tài khoản (Bảng cân đối số phát sinh)*

- ❖ Nguyên tắc lập bảng cân đối tài khoản: Liệt kê toàn bộ tài khoản cấp một đơn vị sử dụng cùng số dư đầu kỳ, số phát sinh trong kỳ và số dư cuối kỳ của các tài khoản.

❖ *Bảng cân đối kế toán*

- ❖ *Nguyên tắc lập bảng cân đối kế toán:*
 - ± Phải hoàn tất việc ghi sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết, tiến hành khoá sổ kế toán, tính số dư cuối kỳ
 - ± Kiểm tra lại số liệu ghi trên cột "Số cuối kỳ" của BCDKT ngày 31/12 năm trước
 - ± Không được bù trừ số dư giữa hai bên Nợ và Có của các tài khoản thanh toán
- ❖ *Cơ sở số liệu để lập BCDKT*
 - ± Căn cứ vào các sổ kế toán tổng hợp và chi tiết.
 - ± Căn cứ vào bảng cân đối kế toán kỳ trước (quý trước, năm trước).



Nội dung, phương pháp lập báo cáo kế toán

❖ Bảng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ Nội dung:

- ± Phần I: Lãi, lỗ_ phản ánh tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, gồm các chỉ tiêu:*
- ± Phần II: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước*
- ± Phần III: Thuế GTGT được khấu trừ, thuế GTGT được hoàn lại, thuế GTGT được giảm, thuế GTGT hàng bán nội địa*

❖ Cơ sở số liệu:

- ± Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ trước*
- ± Sổ kế toán trong kỳ của các tài khoản từ loại 5 đến loại 9*
- ± Sổ kế toán các tài khoản 133 "Thuế GTGT được khấu trừ", tài khoản 333 "Thuế và các khoản phải nộp nhà nước"*



Nội dung, phương pháp lập báo cáo kế toán

❖ *Báo cáo lưu chuyển tiền tệ*

❖ Nội dung:

- ± Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh:
- ± Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:
- ± Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:

❖ Nguyên tắc lập và cơ sở số liệu

- ± Theo phương pháp gián tiếp
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
 - Bảng cân đối kế toán
 - Các tài liệu khác
- ± Theo phương pháp trực tiếp
 - Bảng cân đối kế toán
 - Sổ kế toán thu chi vốn bằng tiền
 - Sổ kế toán theo dõi các khoản phải thu, phải trả



Nội dung, phương pháp lập báo cáo kế toán

❖ Thuyết minh báo cáo tài chính

❖ Cơ sở số liệu:

- ± Các sổ kế toán kỳ báo cáo*
- ± Bảng cân đối kế toán kỳ báo cáo*
- ± Báo cáo kết quả kinh doanh kỳ báo cáo*
- ± Thuyết minh báo cáo tài chính kỳ trước, năm trước*

Thiết lập sổ kế toán

Báo cáo đối chiếu	Menu xem báo cáo
Phiếu nhập mua vật tư, hàng hóa	Kế toán mua hàng và công nợ phải trả/ Báo cáo hàng nhập mua/ Bảng kê phiếu nhập
Chi phí mua hàng	Kế toán mua hàng và công nợ phải trả/ Báo cáo hàng nhập mua/ Bảng kê phiếu nhập
Hóa đơn mua dịch vụ, TSCĐ	Kế toán mua hàng và công nợ phải trả/ Báo cáo công nợ theo hóa đơn/ Bảng kê hóa đơn mua hàng và dịch vụ <i>Lưu ý: điều kiện lọc tại trường mã chứng từ = PNI</i>
Phiếu nhập thành phẩm (nhập từ sản xuất)	Kế toán hàng tồn kho/ Báo cáo hàng nhập/ Bảng kê phiếu nhập
Phiếu xuất kho cho sản xuất và gửi bán ở các đại lý	Kế toán hàng tồn kho/ Báo cáo hàng xuất/ Bảng kê phiếu xuất
Phiếu nhập thành phẩm (nhập từ sản xuất)	Kế toán hàng tồn kho/ Báo cáo hàng nhập/ Bảng kê phiếu nhập
Phiếu xuất kho cho sản xuất và gửi bán ở các đại lý	Kế toán hàng tồn kho/ Báo cáo hàng xuất/ Bảng kê phiếu xuất

Thiết lập sổ kế toán

Hóa đơn giảm giá	Kế toán bán hàng và công nợ phải thu/ Báo cáo công nợ theo khách hàng/ Bảng kê chứng từ <i>Lưu ý: điều kiện lọc tại trường mã chứng từ = HD4</i>
Chứng từ bù trừ công nợ	Kế toán bán hàng và công nợ phải thu/ Báo cáo công nợ theo khách hàng/ Bảng kê chứng từ <i>Lưu ý: điều kiện lọc tại trường mã chứng từ = HD9</i>
Chứng từ ghi nợ ghi có tài khoản công nợ	Kế toán bán hàng và công nợ phải thu/ Báo cáo công nợ theo khách hàng/ Bảng kê chứng từ <i>Lưu ý: điều kiện lọc tại trường mã chứng từ = HD6</i>
Tiền mặt tại quỹ (phiếu thu, phiếu chi)	Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay/ Báo cáo tiền mặt, tiền gửi ngân hàng/ Sổ quỹ
Tiền gửi ngân hàng (báo có, báo nợ)	Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay/ Báo cáo tiền mặt, tiền gửi ngân hàng/ Sổ chi tiết của một tài khoản
Tiền vay ngắn hạn.	Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay/ Báo cáo tiền mặt, tiền gửi ngân hàng/ Sổ chi tiết của một tài khoản



Kế toán công nợ phải thu

Báo cáo đối chiếu	Menu xem báo cáo
Sổ chi tiết công nợ phải thu của khách hàng H1 (KHH1)	Kế toán bán hàng và công nợ phải thu/ Báo cáo công nợ theo khách hàng/ Sổ chi tiết công nợ của một khách hàng
Bảng cân đối phát sinh công nợ phải thu các khách hàng	Kế toán bán hàng và công nợ phải thu/ Báo cáo công nợ theo khách hàng/ Bảng cân đối phát sinh công nợ của một tài khoản
Sổ chi tiết công nợ tạm ứng của nhân viên Nguyễn Văn Tư (NVTNV)	Kế toán bán hàng và công nợ phải thu/ Báo cáo công nợ theo khách hàng/ Sổ chi tiết công nợ của một khách hàng
Bảng cân đối phát sinh công nợ tạm ứng các nhân viên	Kế toán bán hàng và công nợ phải thu/ Báo cáo công nợ theo khách hàng/ Bảng cân đối phát sinh công nợ của một tài khoản

Kế toán công nợ phải trả

Báo cáo đối chiếu	Menu xem báo cáo
Sổ chi tiết công nợ phải trả cho nhà cung cấp hàng hóa người bán S1 (NBS1)	Kế toán mua hàng và công nợ phải trả/ Báo cáo công nợ theo nhà cung cấp/ Sổ chi tiết công nợ của một khách hàng
Bảng cân đối phát sinh công nợ phải trả cho các nhà cung cấp hàng hóa	Kế toán mua hàng và công nợ phải trả/ Báo cáo công nợ theo nhà cung cấp/ Bảng cân đối phát sinh công nợ của một tài khoản
Sổ chi tiết công nợ phải trả cho nhà cung cấp dịch vụ Cty Điện Lực Hà Nội (NBL01)	Kế toán mua hàng và công nợ phải trả/ Báo cáo công nợ theo nhà cung cấp/ Sổ chi tiết công nợ của một khách hàng
Bảng cân đối phát sinh công nợ phải trả cho các nhà cung cấp dịch vụ	Kế toán mua hàng và công nợ phải trả/ Báo cáo công nợ theo nhà cung cấp/ Bảng cân đối phát sinh công nợ của một tài khoản



Kế toán hàng tồn kho

Nghiệp vụ phát sinh	Menu cập nhật
Tính giá trung bình tháng	Kế toán hàng tồn kho/ Cập nhật số liệu/ Tính giá trung bình
Tính giá trung bình di động theo ngày	Kế toán hàng tồn kho/ Cập nhật số liệu/ Tính giá trung bình di động theo ngày
Tính giá cho vật tư nhập trước xuất trước	Kế toán hàng tồn kho/ Cập nhật số liệu/ Tính giá nhập trước xuất trước

Báo cáo đối chiếu	Menu xem báo cáo
Tính giá trung bình	Kế toán hàng tồn kho/ Báo cáo hàng tồn kho/ Bảng giá trung bình
<ul style="list-style-type: none">- Thẻ kho- Bảng cân đối nhập xuất tồn kho	Kế toán hàng tồn kho/ Báo cáo hàng tồn kho/ Thẻ kho, Sổ chi tiết vật tư Kế toán hàng tồn kho/ Báo cáo hàng tồn kho/ Tổng hợp nhập xuất tồn



Kế toán tài sản cố định

Báo cáo đối chiếu	Menu xem báo cáo
Tính khấu hao TSCĐ	Kế toán tài sản cố định/ Báo cáo khấu hao và phân bổ khấu hao/ Bảng tính khấu hao TSCĐ
Bút toán phân bổ khấu hao TSCĐ	Kế toán tài sản cố định/ Báo cáo khấu hao và phân bổ khấu hao/ Bảng phân bổ khấu hao Kế toán tổng hợp/ Lọc tìm và tra cứu số liệu/ Bảng kê chứng từ. Điều kiện lọc tại trường mã chứng từ là PK5
Điều chỉnh giá trị tài sản	Kế toán tài sản cố định/ Báo cáo kiểm kê tài sản cố định/ Báo cáo chi tiết tài sản cố định
Khai báo giảm TSCĐ	Kế toán tài sản cố định/ Báo cáo tăng giảm TSCĐ/ Báo cáo chi tiết giảm TSCĐ
Điều chuyển bộ phận sử dụng	Kế toán tài sản cố định/ Báo cáo kiểm kê TSCĐ/ Báo cáo chi tiết TSCĐ theo bộ phận
Điều chỉnh khấu hao tháng	Kế toán tài sản cố định/ Báo cáo khấu hao và phân bổ khấu hao/ Bảng tính khấu hao

Kế toán tài sản cố định

Báo cáo đối chiếu	Menu xem báo cáo
<ul style="list-style-type: none"> -Bút toán phân bổ tiền lương, BHXH, BHYT, KPCĐ -Trích lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất -Bút toán phân bổ công cụ dụng cụ -Bút toán phân bổ khấu hao -Bút toán kết chuyển chi phí SCL vào chi phí chờ phân bổ -Phân bổ chi phí SCL 	<p>Kế toán tổng hợp/Lọc tìm số liệu và báo cáo nhanh/Bảng kê chứng từ</p> <p><i>Lưu ý: điều kiện lọc tại trường mã chứng từ = PK1</i></p>
Bút toán phân bổ khấu hao	<p>Kế toán tổng hợp/ Lọc tìm số liệu và báo cáo nhanh/ Bảng kê chứng từ</p> <p><i>Lưu ý: điều kiện lọc tại trường mã chứng từ = PK5</i></p>
Tính giá trung bình nguyên vật liệu	<p>Kế toán hàng tồn kho/ Báo cáo hàng xuất/ Bảng kê phiếu xuất</p> <p>Kế toán hàng tồn kho/ Báo cáo nhập xuất tồn/ Bảng giá trung bình</p>
Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vào chi phí sản xuất dở dang	<p>Kế toán tổng hợp/ Lọc tìm số liệu và báo cáo nhanh/ Bảng kê chứng từ</p> <p><i>Lưu ý: điều kiện lọc tại trường mã chứng từ = PK3</i></p>
Phân bổ chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cho các sản phẩm	<p>Kế toán tổng hợp/ Lọc tìm số liệu và báo cáo nhanh/ Bảng kê chứng từ</p> <p><i>Lưu ý: điều kiện lọc tại trường mã chứng từ = PBL</i></p>
<ul style="list-style-type: none"> -Tập hợp và phân bổ chi phí NVL -Phân bổ chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung -Tính giá thành sản phẩm 	<ul style="list-style-type: none"> -Bảng giá thành sản phẩm -Thẻ giá thành sản phẩm -Thẻ giá thành sản phẩm (2) -Báo cáo chi tiết giá thành theo vật tư -Báo cáo tổng hợp giá thành sản phẩm
Cập nhật giá cho các phiếu thành phẩm	Kế toán hàng tồn kho/ Cập nhật số liệu/ Phiếu nhập kho



Kế toán tài sản cố định

Báo cáo đối chiếu	Menu xem báo cáo
Kết chuyển GTKH và GTCL của dàn máy vi tính (nghiệp vụ bán TSCĐ)	Kế toán tổng hợp/ Lọc tìm số liệu và báo cáo nhanh/ Bảng kê chứng từ <i>Lưu ý: điều kiện lọc tại trường mã chứng từ = PK1</i>
Bút toán tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	
Tạm trích các quỹ phát triển, khen thưởng, phúc lợi	

Kê toán tổng hợp – các bút toán cuối kỳ

Báo cáo đối chiếu	Menu xem báo cáo
Phân bổ chi phí chờ phân bổ	Kê toán tổng hợp/ Lọc tìm số liệu và báo cáo nhanh/ Bảng kê chứng từ <i>Lưu ý: điều kiện lọc tại trường mã chứng từ = PK1</i>
Kết chuyển kết quả lãi lỗ	
Kết chuyển thuế GTGT đầu vào	
Kết chuyển doanh thu, giá vốn hàng bán	Kê toán tổng hợp/ Lọc tìm số liệu và báo cáo nhanh/ Bảng kê chứng từ <i>Lưu ý: điều kiện lọc tại trường mã chứng từ = PK3</i>
Kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp	
Kết chuyển thu nhập từ hoạt động tài chính, thu nhập bất thường	
Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính, hoạt động bất thường	
Bút toán phân bổ chi phí sản xuất chung cho các phân xưởng A và B (TK 6271C => TK 6271PXA, 6271PXB;...)	Kê toán tổng hợp/ Lọc tìm số liệu và báo cáo nhanh/ Bảng kê chứng từ <i>Lưu ý: điều kiện lọc tại trường mã chứng từ = PK4</i>



Các báo cáo tài chính

Báo cáo đối chiếu	Menu xem báo cáo
<ul style="list-style-type: none">- Bảng cân đối phát sinh các tài khoản- Bảng cân đối kế toán- Bảng cân đối kế toán cho nhiều kỳ- Báo cáo KQSXKD Phần 1. Lãi lỗ- Báo cáo KQSXKD cho nhiều kỳ- Báo cáo KQSXKD Phần 2. NS- Báo cáo KQSXKD Phần 3. Thuế- Báo cáo dòng tiền theo phương pháp trực tiếp- Báo cáo dòng tiền theo phương pháp trực tiếp cho nhiều kỳ- Báo cáo dòng tiền theo phương pháp gián tiếp- Báo cáo dòng tiền theo phương pháp gián tiếp cho nhiều kỳ- Thuyết minh báo cáo tài chính- Bảng phân tích tài chính của doanh nghiệp	Kế toán tổng hợp/ Báo cáo tài chính/ ...



Các báo cáo thuế

Báo cáo đối chiếu	Menu xem báo cáo
<ul style="list-style-type: none">- Tờ khai thuế GTGT (mẫu 01/GTGT)- Bảng kê chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra (mẫu 02/GTGT)- Bảng kê chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào (mẫu 03, 04, 05/GTGT)- Báo cáo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (mẫu 04/TNDN)	Báo cáo thuế/ Báo cáo thuế GTGT/... Báo cáo thuế/ Báo cáo quyết toán thuế TNDN/...



CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG IV

1. Khái niệm hệ thống bảng biểu kế toán
2. Mục đích thiết lập hệ thống bảng biểu kế toán
3. Nội dung, phương pháp lập các bảng biểu kế toán
4. Việc ghi sổ kế toán có ý nghĩa gì? Vì sao phải thiết lập báo cáo kế toán?
5. Trình bày nguyên tắc lập và cơ sở số liệu của bảng cân đối tài khoản, bảng cân đối kế toán? So sánh với kế toán thủ công.
6. Việc lập các bảng biểu kế toán trong chương trình kế toán máy giống và khác như thế nào so với lập theo phương pháp thủ công ?
7. Trình bày nguyên tắc, điều kiện để thiết lập các báo cáo kế toán trên máy?



BÀI TẬP THỰC HÀNH CHƯƠNG IV



CHƯƠNG V: CÔNG CỤ HỆ THỐNG

❖ MỤC TIÊU

- ❖ Giúp sinh viên nắm vững hệ thống các câu lệnh nhằm điều khiển chương trình phần mềm kế toán hoạt động có hiệu quả.
- ❖ Nâng cao khả năng quản lý, lưu trữ, bảo vệ số liệu trong chương trình kế toán.

❖ SỐ TIẾT: 5

❖ TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ❖ Công ty tài chính kế toán FAST, 2005, Chương 4: Phân hệ hệ thống trong Hướng dẫn thực hành phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING, trang 13-14.



Công cụ hệ thống của chương trình kế toán máy

❖ *Khái niệm*

- ❖ Hệ thống các câu lệnh điều khiển chương trình hoạt động theo yêu cầu của người sử dụng

❖ *Nội dung công cụ hệ thống của một chương trình kế toán máy*

- ❖ *Quản lý danh mục từ điển và khai báo tham số tùy chọn*

❖ Danh mục đơn vị cơ sở

❖ Chức năng

- ❖ Quản lý các đơn vị hạch toán độc lập trong một doanh nghiệp
- ❖ Thiết lập báo cáo cho một đơn vị cụ thể hoặc cho tất cả các đơn vị
 - ± Thông tin về danh mục đơn vị cơ sở
 - ± Mã đơn vị cơ sở
 - ± Tên đơn vị cơ sở
 - ± Tên tiếng Anh.



Danh mục bộ phận hạch toán

- ❖ Chức năng:
 - ❖ Phục vụ nhu cầu hạch toán theo từng bộ phận trong doanh nghiệp.
- ❖ Thông tin về bộ phận hạch toán
 - ❖ Mã bộ phận hạch toán
 - ❖ Tên bộ phận hạch toán
 - ❖ Tên tiếng Anh
 - ❖ Tk chi phí NVL
 - ❖ Tk chi phí nhân công
 - ❖ Tk chi phí máy thi công
 - ❖ Tk chi phí chung
 - ❖ Tk sp dở dang.



Danh mục ngoại tệ

- ❖ Chức năng: - Quản lý các loại ngoại tệ phát sinh trong doanh nghiệp.
- ❖ Thông tin về các loại ngoại tệ
 - ❖ Mã ngoại tệ
 - ❖ Tên ngoại tệ
 - ❖ Tên tiếng Anh
 - ❖ Tk ps chênh lệch tỷ giá – ps nợ
 - ❖ Tk ps chênh lệch tỷ giá – ps có
 - ❖ Tk đánh giá chênh lệch tỷ giá – cl nợ
 - ❖ Tk đánh giá chênh lệch tỷ giá – cl có.
- ❖ Khai báo ngày bắt đầu của năm tài chính
 - ❖ Chức năng: Dùng để khai báo ngày bắt đầu của năm tài chính.
- ❖ Khai báo kỳ nhập liệu đầu tiên trong Fast Accounting



Quản lý và bảo trì số liệu

- ❖ Lưu trữ (backup) số liệu
- ❖ Nạp dữ liệu từ vùng đã lưu
- ❖ Khóa số liệu
- ❖ Sao chép số liệu ra
- ❖ Bảo trì và kiểm tra số liệu
- ❖ Nâng cấp chương trình



Quản lý người sử dụng

❖ *Quản lý người sử dụng*

- ❖ Khai báo người sử dụng và phân quyền
- ❖ Quản lý menu.

❖ *Trợ giúp*

- ❖ Hướng dẫn sử dụng: Phần này cung cấp toàn bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng chương trình. Để thuận lợi trong vận hành phần mềm, tất cả các chương trình ứng dụng được lập trình đều bao gồm công cụ “Hướng dẫn sử dụng”. Chính công cụ này là cầu nối giữa người sử dụng và các phần mềm ứng dụng. Nó được thiết lập nhằm hướng dẫn người sử dụng thực hiện các thao tác trong chương trình, hướng dẫn cách cài đặt phần mềm, giúp người sử dụng điều khiển chương trình, xử lý lỗi,...
- ❖ Quy định và hướng dẫn hạch toán nội bộ
- ❖ Các quy định về chế độ kế toán, thuế và tài chính
- ❖ Thuật ngữ kế toán

❖ *Một số công cụ hệ thống khác*

Hướng dẫn thực hành

Danh mục, số dư	Menu cập nhật
Danh mục mã đơn vị cơ sở	Hệ thống/ Danh mục từ điển và tham số tùy chọn/ Danh mục đơn vị cơ sở <i>Lưu ý: trường hợp đơn vị có nhiều mã đơn vị cơ sở thì khi nhập liệu chương trình sẽ lưu chứng từ với mã đơn vị cơ sở hiện hành.</i>
Danh mục tiền tệ	Hệ thống/ Danh mục từ điển và tham số tùy chọn/ Danh mục tiền tệ
Danh mục tỷ giá qui đổi ngoại tệ	Hệ thống/ Danh mục từ điển và tham số tùy chọn/ Tỷ giá qui đổi ngoại tệ
Danh mục mã đơn vị cơ sở	Hệ thống/ In danh mục từ điển và tham số tùy chọn/ Danh mục đơn vị cơ sở
Danh mục tiền tệ	Hệ thống/ In danh mục từ điển và tham số tùy chọn/ Danh mục tiền tệ
Danh mục tỷ giá qui đổi ngoại tệ	Hệ thống/ In danh mục từ điển và tham số tùy chọn/ Bảng tỷ giá qui đổi ngoại tệ
Danh mục mã đơn vị cơ sở	Hệ thống/ In danh mục từ điển và tham số tùy chọn/ Danh mục đơn vị cơ sở
Báo cáo đối chiếu	Menu xem báo cáo
Danh mục mã đơn vị cơ sở	Hệ thống/ In danh mục từ điển và tham số tùy chọn/ Danh mục đơn vị cơ sở
Danh mục tiền tệ	Hệ thống/ In danh mục từ điển và tham số tùy chọn/ Danh mục tiền tệ



CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG V

1. Trình bày các công cụ hệ thống của một chương trình kế toán máy
2. Trình bày nội dung quản lý danh mục tự diễn và tham số tùy chọn.
3. Vì sao cần phải tiến hành lưu dữ liệu kế toán?